



Bài báo nghiên cứu

VẬN DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Ngô Thị Kim Hoàn

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Kim Hoàn – Email: ntkhoan@daihocthudo.edu.vn

Ngày nhận bài: 22-12-2025; Ngày nhận bài sửa: 14-4-2026; Ngày duyệt đăng: 21-4-2026

TÓM TẮT

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục (GD) và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), đổi mới đào tạo giáo viên tiểu học (GVTH) trở thành yêu cầu cấp thiết. Hoạt động thực hành nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), song thực tế vẫn còn những hạn chế như thiếu tính cá nhân hóa, môi trường thực hành chưa đa dạng và cơ chế phản hồi, đánh giá chưa kịp thời. Bài báo phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng AI trong tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp cho SV ngành GDTH; đồng thời đề xuất các hình thức, ứng dụng một số công cụ AI và quy trình vận dụng nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện nghề nghiệp thông qua một số gợi ý minh họa. Kết quả cho thấy việc ứng dụng một số công cụ AI vào tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp cho SV ngành GDTH góp phần phát huy tính chủ động, tích cực, rèn luyện tư duy sư phạm và khả năng thích ứng với những yêu cầu đa dạng và linh hoạt của nghề nghiệp tương lai.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo (AI); giáo dục tiểu học; sinh viên; thực hành nghề nghiệp

1. Giới thiệu

Đào tạo GVTH giữ vị trí quan trọng trong hệ thống GD quốc dân, bởi đây là lực lượng trực tiếp đặt nền móng cho sự hình thành nhân cách và năng lực học tập lâu dài của học sinh (HS). Trong chương trình đào tạo ngành GDTH, hoạt động thực hành nghề nghiệp (THNN) được xem là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giúp SV từng bước hình thành các năng lực cốt lõi như thiết kế và tổ chức dạy học, quản lý lớp học, đánh giá HS và xử lý các tình huống sư phạm. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo hiện nay cho thấy hoạt động THNN còn nhiều bất cập: hình thức thực hành chủ yếu dựa vào dự giờ và tập giảng với thời lượng hạn chế; cơ hội trải nghiệm đa dạng các tình huống sư phạm thực tế còn ít; việc hướng dẫn và đánh giá năng lực nghề nghiệp (NLNN) phần lớn phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân của GV hướng dẫn. Hệ quả là chất lượng rèn luyện nghề nghiệp giữa các SV chưa đồng đều, khó đáp ứng yêu cầu của Chương trình GD phổ thông 2018 (Ngo & Le, 2017; Nguyen et al., 2021; La et al., 2023). Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) với khả năng xử lý dữ liệu lớn, mô phỏng tình

Cite this article as: Ngo, T. K. H. (2026). Applying artificial intelligence to organize professional practice activities for primary education students. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(8), 1874-1885. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5462\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5462(2026))

huống và cung cấp phản hồi tức thời đang mở ra những cơ hội mới cho đổi mới đào tạo GV. Theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, khung năng lực số (NLS) cho người học được cấu trúc thành sáu thành phần cốt lõi có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau, gồm: khai thác dữ liệu và thông tin; giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; sáng tạo nội dung số; an toàn số; giải quyết vấn đề; và ứng dụng AI (Ministry of Education and Training, 2025). Điều này cho thấy vận dụng AI trong tổ chức hoạt động THNN không chỉ là xu thế mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo GVTH hiện nay. NLS của GV không chỉ dừng ở khả năng sử dụng công cụ công nghệ, mà còn bao gồm năng lực lựa chọn, khai thác và vận dụng công nghệ, AI một cách sư phạm, phù hợp với đặc thù tâm lý lứa tuổi HS tiểu học (Redecker, 2017; UNESCO, 2018). Đây trở thành năng lực không thể thiếu trong hoạt động dạy học liên quan đến lĩnh vực số (Nguyen & Le, 2024); trong đó giảng viên có vai trò quan trọng trong việc phát triển NLS của SV, giúp người học ứng dụng công nghệ vào học tập, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Thực tế không ít SV sư phạm còn hạn chế trong việc tích hợp AI vào dạy học, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tổ chức hoạt động THNN theo hướng phát triển NLS – vận dụng AI trong quá trình đào tạo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào việc vận dụng AI trong tổ chức hoạt động THNN cho SV ngành GDTH, nhằm làm rõ vai trò hỗ trợ của AI trong quá trình rèn luyện và phát triển NLNN sư phạm. Đối tượng nghiên cứu là các hoạt động THNN trong chương trình đào tạo GVTH, gồm tập giảng, xử lý tình huống sư phạm, thiết kế học liệu và thực hành nghiệp vụ dạy học có tích hợp AI. Nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi sau: (1) AI là gì? Việc tích hợp các công cụ AI trong tổ chức hoạt động THNN cho SV ngành GDTH được thực hiện theo quy trình nào để đảm bảo tính phù hợp với các vấn đề lý luận và thực tiễn dạy học? (2) Vận dụng các công cụ AI mang lại hiệu quả như thế nào đối với sự phát triển NLNN cho SV ngành GDTH?

Nghiên cứu kết hợp phương pháp lý luận và thực tiễn. Về lý luận, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu để làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động THNN, quy trình vận dụng các công cụ tích hợp AI trong đào tạo GVTH, hệ thống hóa công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến THNN, ứng dụng AI trong đào tạo GV và khung NLS. Về thực tiễn, nghiên cứu phân tích nội dung các học phần đào tạo SV ngành GDTH từ điểm nhìn vận dụng AI vào tổ chức hoạt động THNN cho SV, đồng thời tổ chức các nhiệm vụ thiết kế sản phẩm học tập trong các tiết thực hành trên lớp có tích hợp công cụ AI theo quy trình đề xuất.

2.2. Khái lược về vấn đề nghiên cứu

AI là việc phát triển các hệ thống máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, AI tạo sinh (Generative Artificial Intelligence hay còn gọi là Gen AI) là một lĩnh vực thuộc AI tập trung vào việc tạo ra dữ liệu mới, có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoặc video, mã nguồn lập trình dựa trên dữ

liệu đầu vào đã được huấn luyện trước đó (Ministry of Education and Training, 2025). Trong GD, AI được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như cá nhân hóa việc học, phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ đánh giá và giảng dạy ngôn ngữ (Luckin et al., 2016).

Hoạt động THNN của SV ngành GDTH là hệ thống các hoạt động học tập trải nghiệm và ứng dụng. Các hoạt động này được tổ chức trong những bối cảnh dạy học và GD gắn với thực tiễn nhà trường tiểu học (tập giảng, quan sát lớp học, xử lý tình huống sư phạm, thiết kế và tổ chức hoạt động học tập, thực hành giao tiếp và ứng xử sư phạm). Thông qua quá trình THNN, SV không chỉ củng cố và vận dụng kiến thức đã học mà còn từng bước hình thành kinh nghiệm nghề nghiệp, phát triển tư duy sư phạm và khả năng thích ứng với những yêu cầu đa dạng, linh hoạt của thực tiễn GDTH. Năng lực nghề nghiệp của GVTH là tổ hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và phẩm chất nghề nghiệp cần thiết để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ dạy học và GD ở bậc tiểu học. Năng lực này không hình thành một cách tự phát mà được phát triển thông qua quá trình đào tạo có hệ thống, trong đó hoạt động THNN giữ vai trò quan trọng. Thông qua hoạt động trải nghiệm, phản tư và điều chỉnh hành vi nghề nghiệp, SV dần chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành năng lực hành động sư phạm, hình thành phong cách nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của GVTH.

2.3. Đặc điểm hoạt động thực hành nghề nghiệp của SV ngành GDTH

Hoạt động THNN của SV ngành GDTH có những đặc điểm riêng biệt, gắn liền với đối tượng lao động sư phạm là HS tiểu học – lứa tuổi đang trong giai đoạn hình thành nền tảng về tri thức, kỹ năng, phẩm chất và các thói quen học tập. Đặc điểm tâm lý của HS tiểu học thể hiện ở tính hiếu động, nhu cầu được quan tâm, khả năng tập trung còn hạn chế và sự phát triển chưa đồng đều về nhận thức, cảm xúc và hành vi (). Vì vậy, hoạt động THNN của SV không chỉ yêu cầu nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn đòi hỏi khả năng vận dụng linh hoạt các biện pháp sư phạm phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và bối cảnh lớp học. SV cần được rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng quan sát hành vi HS, kỹ năng quản lý lớp học, xử lý tình huống sư phạm, tổ chức hoạt động học tập và GD toàn diện cho HS. Những kỹ năng này không thể hình thành đầy đủ thông qua học tập lý thuyết mà cần được phát triển thông qua quá trình trải nghiệm thực tế, xử lý các tình huống sư phạm đa dạng và thường xuyên phản tư về hành vi nghề nghiệp của bản thân. Do đó, THNN cần tạo điều kiện để SV được tiếp cận, trải nghiệm và luyện tập xử lý các tình huống sư phạm đa dạng trong môi trường an toàn và có sự hướng dẫn của GV (Nguyen et al., 2021; Nguyen & Ngo, 2022; La et al., 2023).

Từ những đặc điểm trên, hoạt động THNN của SV ngành GDTH cần được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt và tạo điều kiện cho SV tiếp cận đa dạng các tình huống nghề nghiệp trong quá trình đào tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số trong GD, AI được xem là một công cụ hỗ trợ tiềm năng, góp phần khắc phục những hạn chế của hình thức THNN truyền thống (thiếu đa dạng về tình huống, hạn chế về thời gian và điều kiện trải nghiệm thực tế...). Thông qua khả năng mô phỏng, phân tích dữ liệu và hỗ trợ cá nhân hóa, AI giúp tái hiện các bối cảnh sư phạm gắn với thực tiễn lớp học tiểu học, hỗ trợ SV quan sát, phân tích và luyện tập xử lý tình huống nghề nghiệp trong môi trường an toàn, có kiểm soát. Vận dụng AI trong

hỗ trợ hoạt động THNN không nhằm thay thế hoàn toàn trải nghiệm thực tế tại trường tiểu học, mà đóng vai trò bổ trợ, mở rộng và nâng cao chất lượng rèn luyện nghề nghiệp cho SV.

2.4. Cách thức vận dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp

2.4.1. Nguyên tắc vận dụng

Việc vận dụng AI trong tổ chức hoạt động THNN cho SV ngành GDTH cần được thực hiện trên cơ sở những nguyên tắc khoa học và sư phạm nhằm bảo đảm tính hiệu quả, phù hợp và bền vững của quá trình đào tạo GV trong bối cảnh giáo dục số. AI không phải là mục tiêu tự thân mà là công cụ hỗ trợ cho quá trình hình thành và phát triển NLNN của SV (Holmes et al., 2019; UNESCO, 2021).

Vận dụng AI trong tổ chức hoạt động THNN cho SV GDTH cần tuân thủ các nguyên tắc: (1) *Bảo đảm mục tiêu đào tạo GVTH*: Xuất phát từ mục tiêu đào tạo GVTH theo chuẩn nghề nghiệp và yêu cầu của chương trình, các hoạt động THNN có ứng dụng AI phải hướng tới phát triển các năng lực cốt lõi của GVTH (thiết kế và tổ chức dạy học, quản lý lớp học, đánh giá HS và xử lý tình huống sư phạm); (2) *Lấy người học làm trung tâm và bảo đảm tính cá nhân hóa*: Vận dụng AI trong THNN cần tạo điều kiện để SV được học tập theo nhịp độ, trình độ và nhu cầu cá nhân; đồng thời hỗ trợ SV tự đánh giá và điều chỉnh quá trình rèn luyện nghề nghiệp của bản thân; (3) *Kết hợp hài hòa giữa AI và vai trò của GV*: GV giữ vai trò trung tâm trong việc xác định mục tiêu, thiết kế hoạt động, tổ chức tương tác và đánh giá sự phát triển NLNN của SV. AI được vận dụng như công cụ hỗ trợ GV trong việc cung cấp phản hồi kịp thời, theo dõi tiến trình rèn luyện và hỗ trợ cá nhân hóa học tập, qua đó nâng cao hiệu quả hướng dẫn sư phạm; (4) *Bảo đảm đạo đức, an toàn và trách nhiệm trong sử dụng AI*: Vận dụng AI trong đào tạo, GV cần tuân thủ các yêu cầu về đạo đức, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư của người học. SV cần được trang bị nhận thức đầy đủ về giới hạn của AI, tránh lệ thuộc hoặc sử dụng AI một cách máy móc trong hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp. Hiện nay, một số yêu cầu trong việc sử dụng AI đã được xác định trong các văn kiện như: Khuyến nghị về Đạo đức AI (UNESCO, 2021), Đồng thuận Bắc Kinh năm 2019 về AI (UNESCO, 2019), Tài liệu AI và GD: Hướng dẫn cho các nhà hoạch định chính sách (UNESCO, 2023), đều nhất trí về cách tiếp cận AI lấy con người làm trung tâm, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của quyền con người, bảo vệ phẩm giá và những giá trị cốt lõi của con người.

2.4.2. Hình thức vận dụng

AI có thể được vận dụng linh hoạt trong nhiều hoạt động THNN của SV nhằm hỗ trợ quá trình rèn luyện và phát triển NLNN. Cụ thể, AI hỗ trợ thiết kế các hình ảnh và tư liệu trực quan gắn với các tình huống sư phạm điển hình, giúp SV quan sát, phân tích và luyện tập xử lý các vấn đề phát sinh trong bối cảnh dạy học tiểu học. Ngoài ra, vận dụng một số ứng dụng, phần mềm AI để hỗ trợ SV thiết kế các sản phẩm học tập như photobook, infographic, các báo cáo trực quan nhằm trình bày kết quả THNN một cách khoa học và sáng tạo. Việc lưu trữ và quản lý học liệu số trên nền tảng có ứng dụng AI góp phần hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình rèn luyện nghề nghiệp, phù hợp với năng lực, nhu cầu và mức độ tiến bộ của từng SV. Lưu ý, mỗi học phần trong chương trình đào tạo GVTH có những mục tiêu

riêng đối với hoạt động THNN, việc lựa chọn thời điểm và hình thức vận dụng AI cần được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù của từng học phần.

2.4.3. Quy trình tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp có vận dụng trí tuệ nhân tạo

Theo Trinh (2025), quy trình tổ chức hoạt động THNN có vận dụng các phần mềm, ứng dụng AI gồm bốn bước sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu, nội dung bài học và NLNN cần hình thành: Xác định mục tiêu của chương trình đào tạo và mục tiêu của học phần phụ trách, trên cơ sở chuẩn đầu ra và yêu cầu NLNN của GVTH. Phân tích nội dung học phần giúp giảng viên làm rõ những NLNN cần hình thành và phát triển cho SV thông qua hoạt động thực hành. Đây là cơ sở quan trọng để định hướng việc lựa chọn và tích hợp AI vào các hoạt động THNN một cách phù hợp, tránh vận dụng AI mang tính hình thức, không gắn với mục tiêu đào tạo.

Bước 2. Thiết kế hoạt động THNN có tích hợp AI: Trên cơ sở mục tiêu và nội dung học phần, giảng viên thiết kế các hoạt động THNN có tích hợp AI, lựa chọn các phần mềm, ứng dụng hoặc công cụ AI phù hợp. AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ thiết kế hình ảnh tình huống sự phạm, học liệu trực quan, sản phẩm học tập..., tạo điều kiện cho SV luyện tập kỹ năng nghề nghiệp trong các bối cảnh gần với thực tiễn. Việc thiết kế cần bảo đảm nguyên tắc đạo đức trong AI, tính sự phạm, khả thi và phù hợp với trình độ, nhu cầu của SV.

Bước 3. Tổ chức cho SV thực hành, trải nghiệm và tương tác với hệ thống AI: Giảng viên tổ chức cho SV tham gia thực hành, trải nghiệm và tương tác với các công cụ, phần mềm AI trong quá trình rèn luyện nghề nghiệp. SV thực hiện phân tích tình huống, thiết kế bài dạy, xây dựng học liệu, xử lý nghiệp vụ sự phạm với sự hỗ trợ của AI. Trong quá trình này, giảng viên đóng vai trò quan sát, hướng dẫn và hỗ trợ, giúp SV khai thác AI một cách có mục đích, có kiểm soát và phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp.

Bước 4. Đánh giá, phản hồi và điều chỉnh hoạt động rèn luyện nghề nghiệp: Đánh giá kết quả THNN của SV được thực hiện thông qua nhiều hình thức, kết hợp giữa đánh giá của giảng viên, tự đánh giá của SV và phản hồi từ hệ thống hỗ trợ của AI. Trên cơ sở kết quả đánh giá, giảng viên và SV cùng phân tích mức độ đạt được của các NLNN, từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức và lộ trình rèn luyện phù hợp. Bước này góp phần bảo đảm tính liên tục và hiệu quả của quá trình THNN, hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động đào tạo trong bối cảnh giáo dục số. (Trinh, 2025)

Bảng 1. Bảng tiêu chí đánh giá hoạt động thực hành nghề nghiệp của SV ngành GDTH

Tiêu chí đánh giá	Mô tả biểu hiện	Mức đạt thấp	Mức đạt	Mức đạt tốt
TC1. Vận dụng kiến thức và kỹ năng sự phạm	Vận dụng kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sự phạm để thực hiện nhiệm vụ THNN	Vận dụng còn rời rạc, thiếu tính sự phạm	Vận dụng tương đối phù hợp với nhiệm vụ	Vận dụng linh hoạt, có tính sự phạm và hiệu quả
TC2. Khai thác và sử dụng AI trong thực hành	Sử dụng AI để hỗ trợ thiết kế học liệu, xử lý tình huống và hoàn thiện sản phẩm thực hành	Sử dụng AI mang tính hình thức	Sử dụng AI đúng mục đích, có hiệu quả	Sử dụng AI linh hoạt, có định hướng sự phạm rõ ràng

2.5. Vận dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo vào tổ chức hoạt động thực hành nghề nghiệp cho SV

Trên cơ sở các quy trình chung được đề xuất, chúng tôi tiến hành vận dụng AI vào tổ chức hoạt động THNN trong học phần *Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học* theo các nội dung cụ thể sau:

2.5.1. Thiết kế hình ảnh, video trực quan qua công cụ Kling AI kết hợp chat GPT

Vận dụng các công cụ AI (Kling AI và ChatGPT) cho phép SV thiết kế các hình ảnh minh họa tình huống dạy học, tình huống giao tiếp, tình huống sư phạm giả định gắn với nội dung môn Tiếng Việt. Thông qua quá trình thiết kế và lựa chọn hình ảnh, SV rèn luyện khả năng phân tích mục tiêu bài học, dự đoán phản ứng của HS, đồng thời nâng cao năng lực sử dụng phương tiện trực quan và NLS trong tổ chức hoạt động dạy học ở tiểu học. Quy trình tổ chức SV thực hành gồm (Trinh, 2025):

Bước 1. Xác định yêu cầu cần đạt của bài học

Bước 2. Tạo kịch bản, câu lệnh cho hình ảnh qua Chat GPT: SV truy cập ứng dụng Chat GPT (<https://chatgpt.com>), đăng nhập bằng tài khoản mạng xã hội. Sau khi truy cập, SV tạo các kịch bản mô tả các hình ảnh, video minh họa theo yêu cầu bài học, ý tưởng gợi ý. Cuối cùng, sử dụng kịch bản mô tả hình ảnh chuyển sang tiếng Anh để tạo hình ảnh, video bằng các công cụ AI.

Bước 3. Tạo hình ảnh qua công cụ Kling AI (<https://klingai.com>) và xuất hình ảnh: Sử dụng kịch bản mô tả hình ảnh đã chuyển sang tiếng Anh để tạo hình ảnh qua Kling AI. Sau khi có kết quả các phiên bản hình ảnh, SV lựa chọn và tải hình ảnh.

Bước 4. Sử dụng hình ảnh để minh họa tình huống cho HS.

Từ các bước đề xuất, chúng tôi áp dụng cho SV ngành GDTH: Yêu cầu: Làm việc nhóm 8, thiết kế các hình ảnh, tư liệu trực quan phục vụ dạy học nói và nghe trong bài *Nét đẹp học đường*, Tiếng Việt 5, tập 2, trang 25, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống. Cụ thể, các bước thực hiện được minh họa như sau:

Bước 1. Xác định yêu cầu cần đạt của bài: Yêu cầu: Thảo luận về những ứng xử đẹp trong học đường.

Bước 2. Tạo kịch bản, câu lệnh cho hình ảnh qua Chat GPT. Câu lệnh: Hãy dựa vào bài học “Nói và nghe: Nét đẹp học đường” (Tiếng Việt 5, tập 2, trang 25, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), mô tả các thông tin để thiết kế hình ảnh trực quan với yêu cầu: *Thảo luận về những ứng xử đẹp trong học đường*. Mô tả các hình ảnh/video cần tạo trên Chat GPT.

1. Hình ảnh: Ứng xử lễ phép với thầy cô

Mô tả hình ảnh

- Bối cảnh: Sân trường tiểu học Việt Nam buổi sáng.
- Nhân vật: Nhóm HS lớp 5 mặc đồng phục (áo trắng, quần xanh/váy xanh).
- Hành động: HS khoanh tay, cúi nhẹ đầu chào thầy giáo/cô giáo.
- Cảm xúc: Khuôn mặt tươi tắn, lễ phép, thân thiện.
- Phong cách: Minh họa màu sắc tươi sáng, nét vẽ nhẹ nhàng, phù hợp sách giáo khoa.

Mục đích sư phạm

→ Gợi thảo luận: Vì sao cần lễ phép với thầy cô? Em thường thể hiện sự tôn trọng thầy cô bằng những hành động nào?

Hình 1. Mô tả các hình ảnh trên Chat GPT

- Chuyển phần mô tả từ tiếng Việt sang tiếng Anh

1. Polite behavior toward teachers

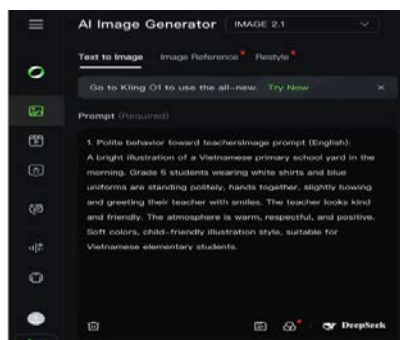
Image prompt (English):

A bright illustration of a Vietnamese primary school yard in the morning. Grade 5 students wearing white shirts and blue uniforms are standing politely, hands together, slightly bowing and greeting their teacher with smiles. The teacher looks kind and friendly. The atmosphere is warm, respectful, and positive. Soft colors, child-friendly illustration style, suitable for Vietnamese elementary students.

Hình 2. Chuyển đổi mô tả sang bản tiếng Anh

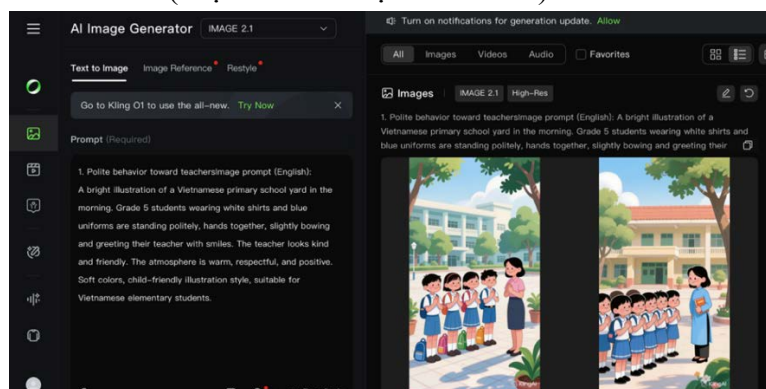
Bước 3. Tạo hình ảnh qua Kling AI

- Sau khi có kịch bản (mô tả), SV truy cập đường link <https://www.klingai.com/> vào trang chủ đăng nhập và tìm kiếm phần hình ảnh AI, thực hiện các thao tác sau để tạo được hình ảnh qua công cụ Kling: Nhập mô tả cho hình ảnh vào ô bằng tiếng Anh đã chuyển đổi từ Chat GPT.



Hình 3. Mô tả hình ảnh bằng lệnh tiếng Anh

- Kiểm tra hình ảnh do hệ thống thiết kế sau khi hoàn tất phần mô tả bằng tiếng Anh, nhấn vào hình ảnh và tải về (chọn các thư mục để lưu trữ).



Hình 4. Kết quả hình ảnh được mô tả bằng tiếng Anh

Bảng 2. Các tình huống và hình ảnh, video minh họa khi sử dụng Kling AI

TT	Tình huống gợi ý	Hình ảnh/ video minh họa (https://drive.google.com/drive/folders/1ZupzQM0ABGuqbAUJO8TrqHGmLcHWjBtp?usp=sharing)
1	Tình huống 1. Ứng xử lễ phép với thầy cô <i>Prompt: A bright illustration of a Vietnamese primary school yard in the morning. Grade 5 students wearing white shirts and blue uniforms are standing politely, hands together, slightly bowing and greeting their teacher with smiles. The teacher looks kind and friendly. The atmosphere is warm, respectful, and positive. Soft colors, child-friendly illustration style, suitable for Vietnamese elementary students.</i>	
2	Tình huống 2. Biết giúp đỡ, sẻ chia trong học tập <i>Prompt: A cheerful classroom scene with Vietnamese Grade 5 students in school uniforms. Two students are smiling and shaking hands or putting arms around each other after making peace. A small classroom banner on the wall says "We are good friends." Bright colors, gentle cartoon illustration style, showing friendship and unity in school).</i>	
3	Tình huống 3. Biết giữ gìn môi trường học đường <i>Prompt: A green schoolyard in a Vietnamese primary school. Grade 5 students are picking up trash and putting it into a trash bin, while others are watering plants and taking care of flowers. The school looks clean and beautiful. Friendly cartoon illustration style with bright colors, showing environmental responsibility.</i>	

Bước 4. SV tải về các hình ảnh, video đã thiết kế và lựa chọn những hình ảnh, video phù hợp đưa vào bài. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, giảng viên tổ chức đánh giá kết quả thực hành của từng nhóm SV bằng nhiều hình thức khác nhau (nhận xét của giảng viên, tự đánh giá của SV...). Dựa trên kết quả đó, giảng viên và SV cùng nhìn lại quá trình thực hiện, xác định những điểm cần cải thiện và điều chỉnh cách thức rèn luyện cho phù hợp.

2.5.2. Thiết kế infographic báo cáo sản phẩm học tập

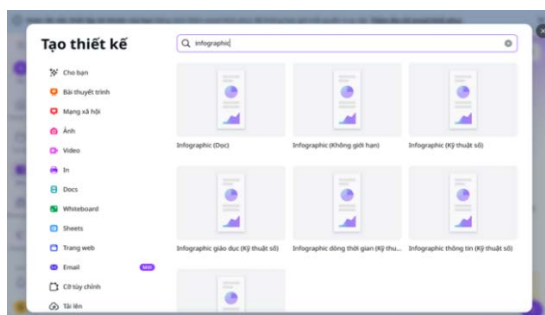
SV có thể xây dựng các infographic trên Canva nhằm tổng hợp nội dung bài học, mô tả quy trình tổ chức hoạt động dạy học, trình bày kết quả xử lý tình huống sư phạm một cách cô đọng và dễ hiểu, đồng thời góp phần giúp SV rèn luyện kỹ năng trình bày thông tin trực

quan, phát triển NLS, năng lực giao tiếp sư phạm và khả năng phản tư trong quá trình THNN. Quy trình tổ chức SV thực hành gồm:

Bước 1. Xác định yêu cầu

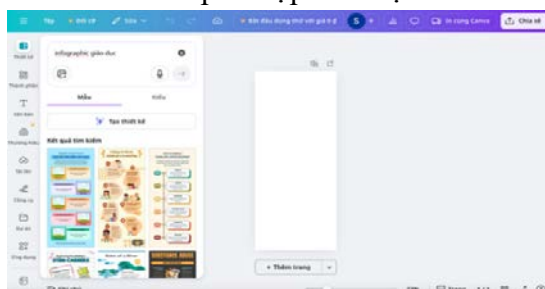
Bước 2. Tạo kịch bản, câu lệnh, chọn mẫu infographic qua Canva

- Truy cập ứng dụng Canva (<https://www.canva.com/templates>) đăng nhập bằng tài khoản mạng xã hội (email, facebook,...) và lựa chọn các mẫu infographic hoặc sử dụng công cụ AI có trong Canva.



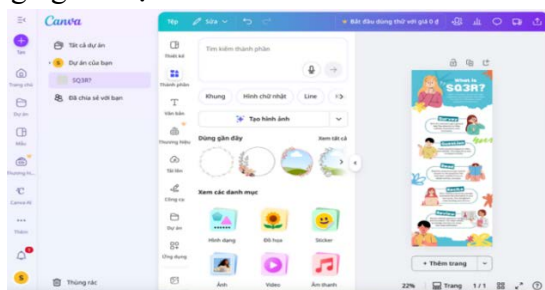
Hình 5. Lựa chọn các hình thức trình bày của infographic

- Xây dựng các prompt mô tả hình dạng và bố cục của infographic, qua hỗ trợ công cụ AI trên Canva đề xuất các mẫu thiết kế phù hợp với mục tiêu báo cáo.



Hình 6. Nhập prompt để tìm kiếm mẫu infographic

Bước 3. Trang trí và thể hiện nội dung qua infographic: SV trình bày nội dung học tập thông qua infographic theo hướng trực quan, mạch lạc, bảo đảm làm nổi bật các ý chính, mối quan hệ giữa các thông tin, lựa chọn màu sắc, biểu tượng và bố cục trang trí phù hợp với nội dung và đối tượng người học.



Hình 7. Trang trí infographic thông các thành phần, công cụ

Bước 4. Sau khi hoàn thiện sản phẩm infographic, SV trình bày và chia sẻ kết quả trước nhóm hoặc lớp học. Giảng viên tổ chức đánh giá sản phẩm. Dựa trên kết quả đánh giá, giảng viên và SV cùng nhìn lại quá trình thực hiện, xác định những điểm cần cải thiện về

nội dung, hình thức trình bày và khả năng khai thác công cụ AI, từ đó điều chỉnh cách thức rèn luyện cho phù hợp.

2.6. Lưu trữ và chia sẻ học liệu số

Việc lưu trữ học liệu số giữ vai trò quan trọng trong quản lý, khai thác và tái sử dụng các sản phẩm rèn luyện nghề nghiệp. Dưới sự hỗ trợ của các công cụ số có tích hợp AI, việc lưu trữ học liệu được thực hiện một cách có hệ thống, góp phần hình thành môi trường học tập số linh hoạt và cá nhân hóa. Học liệu số trong hoạt động THNN của SV ngành GDTH bao gồm nhiều dạng khác nhau (hình ảnh mô phỏng tình huống sư phạm, sản phẩm thuyết trình, các sản phẩm học tập số do SV thiết kế trong quá trình rèn luyện nghề nghiệp...). Việc lưu trữ này không chỉ hỗ trợ giảng viên trong tổ chức và quản lý hoạt động thực hành mà còn tạo điều kiện để SV theo dõi quá trình tiến bộ của bản thân, chia sẻ học liệu rộng rãi với cộng đồng GV, từ đó nâng cao năng lực tự học và tự đánh giá nghề nghiệp.

Hiện nay, một số nền tảng lưu trữ học liệu số được sử dụng phổ biến và phù hợp trong đào tạo GVTH. *Google Drive* là công cụ lưu trữ quen thuộc, cho phép giảng viên và SV phân loại học liệu theo từng học phần hoặc nội dung THNN. Với các tính năng chia sẻ và phân quyền, Drive hỗ trợ hiệu quả việc trao đổi học liệu giữa giảng viên và SV, tạo điều kiện cho việc quản lý, phản hồi và chỉnh sửa sản phẩm học tập. Việc tích hợp với các ứng dụng như Google Docs, Slides và Forms giúp hình thành một hệ thống lưu trữ – thiết kế – khai thác học liệu đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức THNN (<https://drive.google.com/drive/folders/1ZupzQM0ABGuqbAUJO8TrqHGmLCHWjBtp?usp=sharing>). Bên cạnh đó, *Padlet* được sử dụng như một không gian lưu trữ kết hợp tương tác. Giảng viên có thể thiết kế các “bảng” hoặc “cột” lưu trữ theo từng loại học liệu hoặc nhiệm vụ thực hành, trong đó SV trực tiếp đăng tải sản phẩm cá nhân hoặc nhóm. Thông qua việc bình luận và phản hồi dưới mỗi sản phẩm, Padlet hỗ trợ quá trình phản tư nghề nghiệp và tăng cường tương tác sư phạm giữa giảng viên và SV (<https://padlet.com/ntkhoan/h-c-li-u-s-h-nh-nh-video-minh-ho-t-nh-hu-ng-d-y-h-c-ccmguigwbwqxhzm>). Nhìn chung, lưu trữ học liệu số thông qua các công cụ như Google Drive, Padlet góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động THNN cho SV ngành GDTH. Không chỉ hỗ trợ giảng viên quản lý và khai thác học liệu một cách khoa học, các nền tảng này còn tạo điều kiện để SV theo dõi tiến trình rèn luyện, phản tư và phát triển NLNN trong môi trường số.

3. Kết luận

AI ngày càng khẳng định vai trò là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong tổ chức hoạt động THNN cho SV nói chung và SV ngành GDTH nói riêng, góp phần đổi mới cách thức rèn luyện NLNN trong bối cảnh giáo dục số. Vận dụng AI giúp SV tiếp cận các nhiệm vụ nghề nghiệp một cách linh hoạt, tăng cường trải nghiệm, phản tư và phát triển NLS. Trong phạm vi của nghiên cứu này, những vấn đề về nguyên tắc, cách thức vận dụng các công cụ AI vào tổ chức hoạt động THNN cho SV đã được kiến giải và tường minh bằng các chỉ dẫn khoa học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh ý nghĩa thực tiễn của việc thiết kế các hình ảnh, video minh họa dựa trên tình huống học tập trên Kling AI, Chat GPT; thiết kế infographic báo cáo sản phẩm nhóm trên nền tảng Canva dưới sự hỗ trợ của AI, góp phần rèn luyện và

gia tăng cơ hội học tập cho SV trong bối cảnh chuyển đổi số. Trong tương lai, nghiên cứu có thể phát triển, mở rộng phạm vi khảo sát, đo nghiệm và đánh giá có hệ thống tác động của việc vận dụng AI trong tổ chức hoạt động THNN cho SV ngành GDTH, nhấn mạnh kỹ năng xây dựng và xử lý các tình huống sư phạm gần gũi với thực tiễn dạy học ở tiểu học nhằm thúc đẩy hiệu quả tổ chức các hoạt động GD và NLNN của SV.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- La, P. T., Nguyen, D. N., & Tran, D. M. (2023). Thực trạng và đề xuất biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội [Current situation and proposed measures for pedagogical practice training for teacher education students at the University of Education - Vietnam National University, Hanoi]. *Vietnam Journal of Education*, 23(2), 47–50.
- Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence Unleashed: An Argument for AI in Education*. Pearson Education.
- Ministry of Education and Training. (2025). *Quy định năng lực số cho người học, (Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* [Regulations on digital competency for learners (Issued together with Circular No. 02/2025/TT-BGDĐT dated January 24, 2025 by the Minister of Education and Training)].
- Ngo, M. O., & Le, T. N. T. (2017). Thực trạng phẩm chất và năng lực sư phạm của sinh viên năm thứ tư Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh [The current state of pedagogical qualities and competencies of fourth-year students at Ho Chi Minh City University of Education]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(4), 151–161.
- Nguyen, T. H., Ngo, T. K. H., & Dang, L. P. (2021). Một số biện pháp nâng cao chất lượng thực hành sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội [Some measures to improve the quality of pedagogical practice for students at Hanoi Metropolitan University]. *Journal of Science - Hanoi Metropolitan University: Social Sciences and Education*, 52, 114–120.
- Nguyen, T.H., & Ngo, T. K. H. (2022). Những khó khăn khi triển khai tổ chức hoạt động thực hành cho sinh viên ngành GDTH theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) [Difficulties in implementing practical activities for students in Primary Education sector according to Professional Oriented Higher Education (POHE)]. *Journal of Science - Hanoi Metropolitan University: Social Sciences and Education*, 57, 100-109.
- Nguyen, V. D., Nguyen, T. K. L., Nguyen, T. K. P., & Phan, D. T. (2021). Đổi mới hoạt động đào tạo giáo viên ở Trường Đại học Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [Innovating teacher training activities at Dong Thap University to meet the requirements of the 2018 General Education Curriculum]. *Vietnam Journal of Education*, 504(2), 49–52.
- Nguyen, L. P., & Le T. T. H. (2024). Phát triển năng lực số cho giảng viên đại học trong bối cảnh hội nhập: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành [Developing digital competency for university lecturers in the context of integration: A case study at Nguyen Tat Thanh University]. *Vietnam Journal of Education*, 24(9), 7-12.

- Redecker, C. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/159770>
- Trinh, V. S. (2025). Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học nói và nghe nhằm gia tăng hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 5 [Applying information technology to support speaking and listening instruction to enhance learning motivation in Vietnamese language for grade 5 students]. In *Proceedings of the International Conference on Primary Teacher Education in the Context of Digital Transformation* (pp. 894–906). Vinh University.
- UNESCO. (2018). *ICT competency framework for teachers (Version 3)*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265721>
- UNESCO. (2019). *Beijing Consensus on Artificial Intelligence and Education*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000368303>
- UNESCO. (2021). *Recommendation on the ethics of artificial intelligence*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381137>
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693>

APPLYING ARTIFICIAL INTELLIGENCE TO ORGANIZE PROFESSIONAL PRACTICE ACTIVITIES FOR PRIMARY EDUCATION STUDENTS

Ngo Thi Kim Hoan

Hanoi Metropolitan University, Vietnam

Corresponding author: Ngo Thi Kim Hoan – Email: ntkhoan@daihocthudo.edu.vn

Received: December 22, 2026; Revised: April 14, 2026; Accepted: April 21, 2026

ABSTRACT

In the context of digital transformation in education and the rapid development of artificial intelligence (AI), innovation in primary teacher education has become increasingly urgent. Professional practice activities play a crucial role in developing the professional competencies of primary education students; however, current practices have several limitations, including insufficient personalization, limited diversity in practice environments, and delays in feedback and assessment. This paper analyzes the theoretical and practical foundations for using AI to organize professional practice activities for primary education students. Based on this analysis, it proposes modes of application, selected AI tools, and an implementation process for enhancing professional skill development, illustrated through practical examples. The results indicate that using selected AI tools to organize professional practice activities can promote students' initiative and active engagement, foster pedagogical thinking, and strengthen their ability to adapt to the diverse and evolving demands of their future profession.

Keywords: artificial intelligence (AI); primary education; pre-service teachers; professional practice activities